

Bản án số: 168/2024/DS-PT

Ngày 09 - 4 - 2024

V/v tranh chấp ranh giới
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng

Các Thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh

Bà Kiều Kim Xuân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Bảo Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**
Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 về “*Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2023/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 194/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Võ Ngọc H, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số A, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Ngọc H: Chị Phan Thị Bé T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số D lô A, KDC khóm H, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Võ Ngọc H: Bà Lê Thị Vân L là Luật sư của Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

2. **Bị đơn:** Ông Võ Hồng P, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số A, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ông Võ Hồng N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số A, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Ủy ban nhân dân thành phố S.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H1, Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Thanh S, Chức vụ: Phó Chủ tịch.

Địa chỉ trụ sở: Số E, đường N, Khóm E, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

4. *Người kháng cáo:* Bà Võ Ngọc H là nguyên đơn; Ông Võ Hồng P là bị đơn trong vụ án.

(Chị T, bà H, Luật sư L và ông P có mặt; Ông N và UBND thành phố S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Võ Ngọc H do chị Phan Thị Bé T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất 676, tờ bản đồ số 22, diện tích 133,5m², đất tọa lạc tại ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp do bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguồn gốc đất của ông Võ Văn B và bà Phạm Thị T1 là cha mẹ bà H, ông B và bà T1 cho bà H quản lý, sử dụng, ông Võ Hồng N1 đại diện anh em trong gia đình đứng ra kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất. Ngày 01/10/2012, Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Sa Đéc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 42, tờ bản đồ số 22, diện tích 652,5m² cho hộ ông N1.

Năm 2013, hộ ông N1 làm thủ tục tách thửa đất 42 thành các thửa đất gồm: Thửa đất 675, diện tích 116,1m²; thửa đất 676, diện tích 133,5m² và thửa đất 677, diện tích 402,9m², cùng tờ bản đồ số 22.

Do đó, để hợp thức hóa lại phần đất cha mẹ đã cho bà H từ trước, ngày 24/6/2013 hộ ông N1 gồm: Ông N1, bà Huỳnh Kim T2, ông Võ Hồng N lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tại Phòng C tỉnh Đồng Tháp cho bà H toàn bộ thửa đất 676, tờ bản đồ số 22. Đến ngày 26/7/2013, UBND thị xã S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 676, tờ bản đồ số 22, diện tích 133,5 m² cho bà H. Tại thời điểm cấp giấy cho bà H không có đo đạc lại, khi hộ ông N1 thực hiện thủ tục tách thửa đã tiến hành đo đạc theo bản đồ chính quy tọa độ.

Khi bà H xây nhà có chừa lại phần đất trống giáp ranh với đất ông Võ Hồng P chiều ngang khoảng 01m, chiều dài khoảng 15m như hiện tại, ông P đã xây dựng tường rào bằng gạch lấn chiếm phần đất của bà H. Do đó, bà H yêu cầu di dời ông P không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Hiện nay, nhà của ông P do ông N đang quản lý.

Qua đo đạc thực tế, phần đất của bà H đang quản lý, sử dụng thể hiện tại hình H2, chưa tính phần tranh chấp diện tích 117,3m², thiếu 16,2m² so với diện tích được cấp giấy 133,5m².

Bà H yêu cầu ông P và ông N di dời tài sản là bức tường xây gạch để trả lại phần đất lấn chiếm tại hình H1 gồm các mốc M26 - M27 - M27A - M28 - M29A - M29 đến M26 diện tích 9,7m²; xác định ranh đất giữa đất bà H với đất ông P tại các mốc M27 - M27A đến M28 theo sơ đồ đo đạc ngày 22/9/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S, thuộc một phần thửa đất 676, tờ bản đồ số 22 do bà H quản lý, sử dụng. Bà H không hỗ trợ chi phí di dời hay bồi thường thiệt hại tài sản gì cho ông P.

Hiện bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 676, tờ bản đồ số 22 do bà H đang giữ không có thể chấp cho bất kỳ cá nhân, tổ chức nào.

Trong vụ án này bà H không tranh chấp, yêu cầu gì đối với Ủy ban nhân dân thành phố S.

- Bị đơn ông Võ Hồng P trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 677, tờ bản đồ số 22, diện tích 402,9m² của ông Võ Hồng N1 (chết năm 2022) cha ruột ông Phong t cho ông P vào năm 2013. Ngày 13/01/2014 ông P được Ủy ban nhân dân thành phố S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại thời điểm kê khai xin cấp giấy có tiến hành đo đạc thực tế, các chủ đất giáp ranh ký xác định ranh. Ông P sử dụng ranh đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có lấn chiếm qua ranh đất của bà H, từ trước đến nay ranh đất giữa hai bên được xác định bằng vách tường nhà bà H. Hiện trạng phần đất phía trước có con mương nhưng bà H đã tự ý san lấp.

Khi ông P xây dựng nhà có chứa lại phần đất trống giáp ranh đất của bà H chiều ngang khoảng 01m, chiều dài 24,38m, để khi cần thiết sửa nhà bắt giàn giáo hoặc thang cho dễ dàng. Đến khoảng tháng 12/2021 ông P xây dựng tường rào bà H tranh chấp.

Ông P không đồng ý với yêu cầu của bà H về việc di dời tường rào trả lại đất, ông P yêu cầu xác định ranh đất của ông với đất của bà H tại các mốc M26 - M29 theo sơ đồ đo đạc.

Hiện bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 677, tờ bản đồ số 22 do ông P đang giữ không có thể chấp cho bất kỳ cá nhân, tổ chức nào.

Trong vụ án này ông P không tranh chấp, yêu cầu gì đối với Ủy ban nhân dân thành phố S và ông Võ Hồng N.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông P trình bày phần đất tranh chấp thuộc con mương công cộng do Nhà nước quản lý mà bà H đã san lấp trái phép và yêu cầu bà H khôi phục lại hiện trạng con mương này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Hồng N trình bày:

Hiện nay nhà, đất do ông N ở để trông coi và thờ cúng ông bà giùm cho ông P chứ không có liên quan gì đến việc tranh chấp giữa hai bên, ông N thống nhất với ý kiến của ông P, không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố S có văn bản ý kiến:

Trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự là đúng theo quy định pháp luật tại thời điểm cấp giấy.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2023/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc xét xử:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Ngọc H về việc yêu cầu ông Võ Hồng P và ông Võ Hồng N trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 9,7m², cụ thể: xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất của bà H với thửa đất của ông P là đường nối các mốc M27, M27A đến M28.

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của bà Võ Ngọc H tại thửa đất số 676, diện tích 133,5m², đo đạc thực tế diện tích 117,3m² với thửa đất số 677, diện tích 402,9m², đo đạc thực tế diện tích 406,3m², cùng tờ bản đồ số 22 của ông Võ Hồng P là đường nối các mốc M27, M27A đến M29A làm ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai bên.

(Có sơ đồ đo đạc ngày 22/9/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án kèm theo).

2. Trên cơ sở xác định ranh giới quyền sử dụng đất nêu trên, các đương sự có quyền và nghĩa vụ sử dụng đúng ranh giới quyền sử dụng đất đã được bản án của Tòa án xác định theo chiều thẳng đứng không gian và lòng đất theo quy định pháp luật và có trách nhiệm di dời tài sản trên đất tranh chấp (một phần bức tường xây gạch của ông P).

3. Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cấp đổi, đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Ngọc H và ông Võ Hồng P mỗi người chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà H thuộc trường hợp là người cao tuổi, có đơn hợp lệ nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Bà Võ Ngọc H và ông Võ Hồng P, mỗi người chịu 2.384.500 đồng, bà H đã nộp tạm ứng đủ và chỉ xong tổng số tiền 4.769.000 đồng. Ông P có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà H số tiền 2.384.500 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm.

Ngày 29/9/2023 ông Võ Hồng P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 82/2023/DS-ST ngày 23/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc. Yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử trả phần diện tích 9,7m² cho ông Võ Hồng N1 đã cho

đất ông P và bà H, do ông N1 đã chết nên phần đất 9,7m² không ai có quyền chiếm đoạt sử dụng.

Ngày 05/10/2023 bà Võ Ngọc H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số: 82/2023/DS-ST ngày 23/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc. Yêu cầu Tòa án xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất 676 của bà H với thửa đất 677 của ông P là đường thẳng nối các mốc M27 - M27A - M28 - M29, để bà H tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất 3,7m² thể hiện tại các mốc M27A - M28 - M29A làm lối thoát hiểm và làm nơi để vào sửa chữa nhà và sửa máy lạnh. Vì thực tế hiện nay máy lạnh của bà H lắp đặt phía trong phần đất, Tòa án sơ thẩm giao cho ông P thì bà H không vào sử dụng được.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Phan Thị Bé T là người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Ngọc H trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư Lê Thị Vân L là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Võ Ngọc H trình bày: Quyền sử dụng đất của bà H được ông N1 tặng cho hợp pháp. Theo văn bản trả lời thì đất của bà H là phần đất xéo, chia theo Tòa án sơ thẩm giữa bà H và ông P không ai sử dụng được, vách tường nhà ông P đã có, ông P xây tường không có sử dụng, trên phần đất tranh chấp có những vật dụng trên không, các bên không có chứng cứ sử dụng phần đất chiều ngang 01m, nhưng bà H có gắn máy lạnh trong phạm vi tranh chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thấu tình đạt lý, chấp nhận kháng cáo của bà H.

Chị Phan Thị Bé T là người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Ngọc H trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của Luật sư, không bổ sung gì thêm.

Ông Võ Hồng P trình bày: Không thống nhất với kháng cáo của nguyên đơn, thống nhất với bản án sơ thẩm, xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm ông P rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, thống nhất với bản án sơ thẩm, việc rút kháng cáo của ông P là tự nguyện, kháng cáo của bà H không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông P, không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 82/2023/DS-ST ngày 23/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bà Võ Ngọc H và ông Võ Hồng P nộp trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Ông N và UBND thành phố S có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bà H yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm số: 82/2023/DS-ST ngày 23/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc. Yêu cầu Tòa án xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất 676 của bà H với thửa đất 677 của ông P là đường thẳng nối các mốc M27 - M27A - M28 - M29, để bà H tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất 3,7m² thể hiện tại các mốc M27A - M28 - M29A làm lối thoát hiểm và làm nơi để vào sửa chữa nhà và sửa máy lạnh. Vì thực tế hiện nay máy lạnh của bà H lắp đặt phía trong phần đất, Tòa án sơ thẩm giao cho ông P thì bà H không vào sử dụng được.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nguồn gốc đất: Thửa đất 676, tờ bản đồ số 22, diện tích 133,5m², đất tọa lạc tại xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp của ông Võ Hồng N1, ông N1 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà H vào ngày 24/6/2013. Đến ngày 26/7/2013 bà H được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Sa Đéc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất 677, tờ bản đồ số 22, diện tích 402,9m², đất tọa lạc tại xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp của ông Võ Hồng N1, ông N1 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông P vào ngày 11/12/2013. Đến ngày 13/01/2014 ông P được Ủy ban nhân dân thành phố S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình quản lý, sử dụng: Bà H và ông P đều cho rằng khi xây dựng nhà có chừa lại phần đất trống cấp đất hai bên chiều ngang 01m, ông P trình bày ranh đất của ông đến tường nhà bà H, còn bà H trình bày ranh đất của bà qua đất ông P chiều ngang 01m, lời trình bày của ông P không được bà H thừa nhận, ngược lại lời trình bày của bà H không được ông P thừa nhận. Ngoài ra, bà H và ông P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở.

Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Sơ đồ đo đạc ngày 22/9/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S thể hiện:

Thửa đất bà H đang quản lý, sử dụng (không tính diện tích tranh chấp) thể hiện tại hình H2 trong phạm vi các mốc M1 - M2 - M3 - M29 - M26 - M27 - M23 - M24 - M25 - M1 có diện tích 117,3m², giảm 16,2m² so với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 133,5m².

Thửa đất ông P đang quản lý, sử dụng (không tính diện tích tranh chấp) thể hiện tại hình H3 trong phạm vi các mốc M3 - M4 - M5 - M6 - M7 - M8 - M9 -

M10 - M11 - M12 - M13 - M14 - M15 - M16 - M17 - M18 - M19 - M20 - M21 - M22 - M23 - M27 - M28 - M29 - M3 có diện tích 406,3m², tăng 3,4m² so với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 402,9m².

Phần đất tranh chấp thể hiện tại hình H1 trong phạm vi các mốc M26 - M27 - M27A - M28 - M29A - M29 - M26 diện tích 9,7m², có bức tường gạch do ông P xây dựng. Bà H xác định ranh đất từ mốc M27 - M27A - M28, còn ông P xác định ranh đất từ mốc M26 - M29.

Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thừa đất của bà H và ông P trước đây thuộc thửa đất 42, tờ bản đồ số 22, diện tích 652,5m² do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Sa Đéc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 01/10/2012 cho hộ ông Võ Hồng N1. Ngày 06/5/2013, hộ ông N1 làm thủ tục tách thửa đất 42 thành các thửa đất gồm: Thửa đất 675, diện tích 116,1m²; thửa đất 676, diện tích 133,5m² và thửa đất 677, diện tích 402,9m². Sau đó hộ ông N1 lập hợp đồng tặng cho thửa đất 676 bà Huệ và thửa đất 677 cho ông P

Tại văn số: 104/UBND-NC27/7/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố S cung cấp thông tin:

“1. UBND thành phố S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất 676, tờ bản đồ số 22, cho bà Võ Ngọc H vào ngày 26/7/2013 trên cơ sở: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 24/6/2013 giữa hộ ông Võ Hồng N1 và bà Võ Ngọc H được Phòng C tỉnh Đồng Tháp công chứng số 401, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD và các quy định pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận.

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có tiến hành đo đạc thực tế.

...

2. UBND thành phố S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất 677, tờ bản đồ số 22, cho ông Võ Hồng P vào ngày 13/01/2014 trên cơ sở: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 11/12/2013 giữa hộ ông Võ Hồng N1 và ông Võ Hồng P được Phòng C tỉnh Đồng Tháp công chứng số 811, quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD và các quy định pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận.

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có tiến hành đo đạc thực tế.

...

3. Nguyên nhân diện tích giảm của bà H và diện tích tăng của ông P là ranh giới, mốc giới thửa đất theo đo đạc thực tế không trùng với ranh giới, mốc giới thửa đất được cấp giấy chứng nhận”.

Tại Công văn số: 1065/VPĐKĐĐ-TPSaĐéc ngày 13/9/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S cung cấp thông tin:

“ ... Phần đất tranh chấp tại H, diện tích 9,7m² có một phần diện tích là 6,0m² thuộc thửa 676 đã cấp giấy chứng nhận cho bà H thể hiện tại vị trí từ ranh

nét đứt (-----) hướng về phía nhà bà H và một phần diện tích 3,7m² thuộc thửa 677 đã cấp giấy chứng nhận cho ông P thể hiện tại vị trí từ ranh nét đứt (-----) hướng về phía nhà ông P”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H và ông P trình bày việc chừa chiều ngang 01m chỉ bằng lời nói không có làm giấy tờ. Theo đó, bà H và ông P không có thỏa thuận ranh đất với nhau, nên xác định ranh đất giữa bà H và ông P là đường nối các mốc M27 - M27A - M29A là phù hợp.

Do đó, Tòa án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, xác định ranh đất giữa bà H với ranh đất của ông P là đường nối các mốc M27 - M27A - M29A theo Sơ đồ đo đạc ngày 22/9/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm ông P trình bày trên phần đất tranh chấp có tài sản hàng rào do ông P xây dựng năm 2022, tường xây gạch không trát, ông P tự nguyện di dời tài sản nêu trên trong phạm vi các mốc M26 - M27 và trong phạm vi các mốc M29 - M29A là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Xét kháng cáo của ông P yêu cầu trả phần diện tích 9,7m² cho ông N1 đã cho đất ông P và bà H, do ông N1 đã chết nên phần đất 9,7m² không ai có quyền chiếm đoạt sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, thống nhất với bản án sơ thẩm. Việc rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông P.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà H không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà H là có căn cứ. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà H là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án sơ thẩm buộc bà H và ông P, mỗi người chịu 150.000 đồng án phí là chưa phù hợp với quy định pháp luật. Do bà H và ông P không kháng cáo nên không xem xét, Tòa án sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2023/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc. Tuy nhiên, cần điều chỉnh cách tuyên án cho phù hợp.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

[7] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà H không được chấp nhận và ông P rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn nên được miễn án phí.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 289, khoản 1, 5 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Võ Hồng P.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Ngọc H.

3. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2023/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

3.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Ngọc H về việc yêu cầu ông Võ Hồng P và ông Võ Hồng N trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 9,7m².

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của bà Võ Ngọc H tại thửa đất số 676, tờ bản đồ số 22, diện tích 133,5m², đo đạc thực tế diện tích 117,3m² với thửa đất số 677, tờ bản đồ số 22, diện tích 402,9m², đo đạc thực tế diện tích 406,3m² của ông Võ Hồng P là đường nối các mốc M27 - M27A - M29A làm ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai bên.

Xác định ranh đất được sử dụng theo chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian. Tài sản của hai bên lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Sơ đồ đo đạc ngày 13/4/2023 và Bổ sung Sơ đồ đo đạc ngày 22/9/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S, Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản cùng ngày 13/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Hồng P phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Ngọc H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Bà Võ Ngọc H và ông Võ Hồng P mỗi người phải chịu 2.384.500 đồng, do bà H đã nộp và chi xong, nên ông P có nghĩa vụ trả lại cho bà H số tiền 2.384.500 đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Võ Ngọc H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Võ Hồng P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003193, ngày 29/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS thành phố Sa Đéc;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Ngọc).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Dũng